

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lù Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Tải Sào Tin

- Ông: Lù Mìn Sáng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Đình Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang:* Ông Dương Mạnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 5 năm 2019. Đối với bị cáo:

- **Nguyễn Hoàng T**, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1995, tại V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hùng T và bà Nguyễn Thị H; Vợ Hà Thị G, con có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/3/2019, hiện nay bị cáo đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

1. Nguyễn Thúy T - sinh năm 1972; Trú tại tổ 1 thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt).

2. Hoàng Thị H - sinh ngày 12 tháng 3 năm 1998; Trú tại thôn N, xã B, huyện X, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông: Hồ Lý H - sinh năm 1993; Trú tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt).

2. Ông: Kim Văn T - sinh năm 1986; Trú tại Tổ 1 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

3. Bà: Nguyễn Thị O - sinh năm 1968; Trú tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa Lần thứ 3.

4. Ông: Nguyễn Hùng T - sinh năm 1965; Trú tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:**

Ông: Phạm Xuân H - sinh năm 1993; Trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/12/2018, Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/08/1995, trú tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang được anh Hồ Lý H, sinh ngày 15/11/1993, trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (*là chủ xe khách Anh D*) thuê làm phụ xe khách BKS: 23B-00159 (chạy tuyến B - H - X và ngược lại) với công việc chính là đón trả khách, sắp xếp chỗ ngồi cho khách, thu tiền vé giao nhận hàng, tiền của khách gửi trên xe. Ngày 07/12/2018, Nguyễn Hoàng T cùng lái xe là anh Phạm Xuân H, sinh năm 1993, trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang điều khiển xe ô tô BKS: 23B-00159 từ xã Đ, huyện B lên thị trấn C, huyện X như mọi ngày. Khoảng 06 giờ 30 phút, anh H điều khiển xe cùng T đến nhà bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1968, trú tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang, nhận từ bà O 01 (*một*) thùng hàng gửi cho bà Nguyễn Thúy T, ở tổ 1 thị trấn C, huyện X. Sau đó anh H tiếp tục điều khiển xe đến nhà anh Kim Văn T (*chủ cửa hàng điện thoại Toàn Phương*), sinh năm 1986, trú tại tổ 1 thị trấn V, huyện B và nhận từ anh T 1 (*một*) thùng hàng gửi lên cho anh Lù Thanh V, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã B, huyện X, tỉnh Hà Giang. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, xe khách Anh D đến trung tâm thị trấn C, huyện X, H và T dừng xe ăn cơm trưa và nghỉ ngơi tại quán cơm Nam Trang thuộc tổ 2, thị trấn C, huyện X. Đến khoảng 13 giờ 20 phút, anh H điều khiển xe cùng T đi trả hàng quanh thị trấn C và quay đầu trở về huyện B theo hướng X – huyện H - B. Khi xe khách đến quán tạp hóa Chiến Tình, thuộc tổ 1 thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang, Nguyễn Hoàng T đã trả cho bà Nguyễn Thúy T, chủ cửa hàng tạp hóa 01 thùng hàng bằng bì cát tông mà trước đó T đã nhận từ bà O gửi lên cho bà T. Sau khi gửi thùng hàng cho bà T, T có nhận lại từ bà T số tiền 2.550.000 đồng (*Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) và bà T nói “*Cháu cầm số tiền này và gửi hộ cô cho nhà O tại xã H, huyện B để trả tiền hàng*”. T đồng ý và mở phong bì ra kiểm tra số tiền gồm 5 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng rồi quay trở lại xe. Xe tiếp tục di chuyển theo hướng huyện H, khi đi đến khu vực chợ rau, thuộc địa phận tổ 1 thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang thì gặp chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998, trú tại thôn N, xã B, huyện X (*chị H là vợ của anh Lù Thanh V*) vẫy xe dừng lại, T xuống xe và cầm hộp đồ trước đó anh Toàn gửi cho anh Vương đưa cho chị H. Sau khi giao hàng xong, chị H đưa lại cho T số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng chẵn*) và nói “*Anh gửi số tiền 6.000.000 đồng này cho anh T chủ cửa hàng điện thoại Toàn Phương tại tổ 1, thị trấn V, huyện B để trả tiền hàng giúp*

em”, T đồng ý, rồi bóc phong bì ra kiểm tra, gồm 12 tờ mệnh giá 500.000 đồng và quay trở lại xe, xe khách tiếp tục đi về hướng huyện H. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày xe khách Anh D về đến trung tâm thị trấn V, huyện B, lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 8.550.000 đồng (*Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) mà bà T và chị H đã gửi, nên khi xe khách đi qua cửa hàng điện thoại Toàn Phương, tại tổ 1 thị trấn V, huyện B và nhà bà O thôn T, xã H, huyện B, T đã không đưa trả số tiền trên cho anh T và bà O như thỏa thuận. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày xe khách Anh D chạy về nhà xe tại xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang và nghỉ qua đêm. Tại đây T không đưa và cũng không nói gì về số tiền bà T và chị H gửi trả cho các chủ hàng với anh Hồ Lý H dùng tiêu sài cá nhân. Đến ngày 09/12/2018, do đã tiêu sài hết số tiền của bà T và chị H gửi nhà xe, nên T đã tự ý nghỉ việc tại xe khách Anh D, đồng thời tắt nguồn điện thoại nhằm mục đích trốn tránh các bị hại và chặn liên lạc với mọi người. Sau khi không thấy nhà xe gửi tiền cho mình nên anh T và chị O đã gọi điện thoại cho anh Hồ Lý H để hỏi, anh H có liên lạc với T nhưng không được nên ngày 27/12/2018, anh H đã tố giác hành vi của T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện X.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: không

- Về phần bồi thường dân sự: Quá trình điều tra bị can Nguyễn Hoàng T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Thúy T bằng việc ngày 25/2/2019, T đã trả số tiền 2.550.000 đồng cho chị Nguyễn Thị O và T đã tác động bố đẻ của mình là ông Nguyễn Hùng T bồi thường đầy đủ số tiền 6.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt của bị hại Hoàng Thị H. Sau khi nhận đủ số tiền trên các bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự.

Trước cơ quan điều tra bị can Nguyễn Hoàng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thể hiện tại Lời khai, bản cung của bị can (*BL số 73 - 88*); Lời khai các bị hại (*BL số 63 - 72*); Lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (*BL số 89 - 110*); Lời khai người làm chứng (*BL số 111 - 116*) cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSXM. ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa trong bản luận tội đã phân tích động cơ, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

a. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Hoàng T từ 12 đến 16 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 32 tháng.

- *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không đề cập đến hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

b. *Xử lý vật chứng*: không

c. *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Thúy T bằng việc trả số tiền 2.550.000 đồng cho chị Nguyễn Thị O và đã tác động bố đẻ của mình là ông Nguyễn Hùng T bồi thường đầy đủ số tiền 6.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại Hoàng Thị H, các bị hại đã nhận đầy đủ số tiền trên. Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị hại không có đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự nên không đề cập giải quyết.

Hôm nay tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên; bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Nguyễn Hoàng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình tại Cơ quan điều tra phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa. Thể hiện khoảng 13 giờ 20 phút ngày 07/12/2018 xe khách đi trả hàng Nguyễn Hoàng T là phụ xe trực tiếp trả hàng cho khách hàng, Tiến đã trả cho bà Nguyễn Thúy T ở Tổ 1 thị trấn C là chủ cửa hàng tạp hóa 01 thùng hàng bằng bì cát tông mà trước đó T đã nhận từ bà O gửi lên cho bà T, bà T nhận hàng và gửi tiền cho T mang về trả tiền hàng cho bà O ở xã H – huyện B, T có nhận từ bà T số tiền 2.550.000 đồng (*Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*). T đồng ý và mở phong bì ra kiểm tra số tiền gồm 5 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng rồi quay trở lại xe. Xe tiếp tục đi đến khu vực chợ rau huyện X thì gặp chị Hoàng Thị H vẫy xe dừng lại, T xuống xe và cầm hộp đồ trước đó anh T gửi cho anh V (*Chồng chị H*) đưa cho chị H. Sau khi giao hàng xong, chị H đưa số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng chẵn*) cho T và nói “*Anh gửi số tiền 6.000.000 đồng này cho anh T chủ*

cửa hàng điện thoại Toàn Phương tại tổ 1, thị trấn V, huyện B để trả tiền hàng giúp em”, T đồng ý, rồi bóc phong bì ra kiểm tra, gồm 12 tờ mệnh giá 500.000 đồng.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày xe khách Anh D đến thị trấn V, huyện B, lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 8.550.000 đồng mà bà T và chị H đã gửi, xe đi qua cửa hàng điện thoại Toàn Phương và nhà bà O thôn T, xã H, huyện B, T đã không đưa trả số tiền trên cho anh T và bà O như thỏa thuận. Đến nhà xe T không đưa tiền cũng không nói gì về số tiền bà T và chị H gửi trả cho các chủ hàng với anh Hồ Lý H biết.

Đến ngày 09/12/2018, do đã tiêu sài hết số tiền của bà T và chị H gửi nhà xe, T đã tự ý nghỉ việc tại xe khách Anh D, đồng thời tắt nguồn điện thoại nhằm mục đích trốn tránh các bị hại và chặn liên lạc với mọi người. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Hoàng T chiếm đoạt là 8.550.000 đồng (*Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*). Như vậy đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Hoàng T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định Tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b)”

Từ đó khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ tài sản để thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín và niềm tin đối với nhà xe khách, đồng thời làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần

đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có đơn của các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (khoản 2 điều 51 BLHS), nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của các bị hại. Vì vậy, thấy không cần thiết phải cách li bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Không có.

[5] Về hình phạt bổ sung Qua điều tra xác minh và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, bị cáo sống chung với gia đình, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Hoàng T tác động cho bố đẻ là Nguyễn Hùng T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại số tiền là 8.550.000 đồng. Tại phiên tòa cũng như trong đơn của các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét phần dân sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án 14 tháng 6 năm 2019. Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự (*Điều 69*). Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Báo cho Bị cáo T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Hồ Lý H, Nguyễn Thị O) vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang
- VKSND Tỉnh, Huyện
- Cơ quan THASH Công an - X
- Công an huyện X
- Chi Cục THA dân sự –X
- UBND xã Việt Vinh – huyệnB-Hà Giang.
- Bị cáo, các bị hại
- Những người có QL&NVLQ
- Sở tư pháp Hà Giang
- Lưu hồ, THA, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lù Quang Minh